

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 20 – 4 – 2021  
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình  
Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Minh;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hồ Thị Mai Hương  
2. Ông Trần Văn Bé Hai

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hồ Văn H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị Lưu Thị Tuyết E, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm anh Hồ Văn H là nguyên đơn trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh H và chị Tuyết E chung sống với nhau từ năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, giấy đăng ký kết hôn cấp ngày 12/6/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Lưu Thị Tuyết E.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Thị Mỹ Linh, sinh ngày 24/12/2012 và Hồ Trọng Nhân, sinh ngày 06/3/2015. Hiện con chung đang sống cùng chị Tuyết E. Khi ly hôn, anh H đồng ý để chị Tuyết E được tiếp tục nuôi con chung là Hồ Thị Mỹ Linh và Hồ Trọng Nhân, không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tại Văn bản ý kiến ngày 09/4/2021 bị đơn là chị Lưu Thị Tuyết E trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lưu Thị Tuyết E đồng ý ly hôn với anh Hồ Văn H.

- Về con chung: Chị Tuyết E yêu cầu được nuôi hai con chung là Hồ Thị Mỹ Linh, sinh ngày 24/12/2012 và Hồ Trọng Nhân, sinh ngày 06/3/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không có ý kiến trình bày.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có ý kiến trình bày.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Hồ Văn H (Photo);
- 01 Sổ hộ khẩu (pho to)
- Giấy đăng ký kết hôn (Bản sao)
- Trích lục khai sinh Hồ Trọng Nhân, Hồ Thị Mỹ Linh (Bản sao)
- Giấy xác nhận nơi cư trú
- Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đối thoại tại tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Hồ Văn H có đơn yêu cầu được ly hôn với chị Lưu Thị Tuyết E. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Chị Lưu Thị Tuyết E là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lưu Thị Tuyết E là bị đơn trong vụ kiện, chị Tuyết E có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Lưu Thị Tuyết E là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Tuyết E sống chung với nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 12/6/2012, do đó hôn nhân giữa anh H và chị Tuyết E là hợp pháp.

Theo anh H trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng những năm sau đó, anh H và chị Tuyết E phát sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi đến hôn nhân không hạnh phúc. Anh H và chị Tuyết E không còn chung sống với nhau cũng như vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập chị Lưu Thị Tuyết E tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng chị Tuyết E có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Tuyết E có văn bản ý kiến đồng ý yêu cầu ly hôn của anh Hồ Văn H. Xét thấy hôn nhân giữa anh H và chị Tuyết E lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu ly hôn với chị Tuyết E là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh H và chị Tuyết E là mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh H.

- Về con chung: Xét bản tự khai ngày 09/4/2021, Hồ Thị Mỹ Linh có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Tuyết E. Bên cạnh đó, anh H và chị Tuyết E thống nhất: chị Tuyết E được tiếp tục nuôi con chung tên Hồ Thị Mỹ Linh, sinh ngày 24/12/2012 và Hồ Trọng Nhân, sinh ngày 06/3/2015, anh H không tự nguyện cấp dưỡng. Do đó, để bảo đảm sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu Mỹ Linh và cháu Trọng Nhân, cần tiếp tục giao cháu Mỹ Linh và cháu Trọng Nhân cho chị Tuyết E trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Chị Tuyết E không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hồ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh H trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, chị Tuyết E không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Hồ Văn H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 144 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu của anh Hồ Văn H.

- Về hôn nhân: Anh Hồ Văn H được ly hôn với chị Lưu Thị Tuyết E.

- Về con chung: Chị Lưu Thị Tuyết E được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Hồ Thị Mỹ Linh, sinh ngày 24/12/2012 và Hồ Trọng Nhân, sinh ngày 06/3/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Hồ Văn H không pH cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hồ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xE xét.

Về án phí: Anh Hồ Văn H pH chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012315 ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Võ Thị Ngọc Minh**